

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2017

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 31A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Duy P, sinh năm 1970;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 16, thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số 15 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 16, thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn anh Cao Duy P trình bày:

Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08-12-2004, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại gia đình của anh P ở xã S, huyện C và tổ chức tại gia đình của chị T ở xã Đ, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh P không thể có con từ đó dẫn đến vợ

chồng bất đồng quan điểm trong việc có con. Anh P đề nghị chị T chọn phương thức thụ tinh bằng nhân tạo hoặc xin con nuôi nhưng chị T không đồng ý. Ngoài ra, chị T không muốn anh P thăng tiến trong công việc, không ủng hộ anh P có ý chí cầu tiến nên giữa anh P và chị T ngày càng phát sinh mâu thuẫn, không còn lo lắng, quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài nên anh P và chị T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Nay anh P cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao Duy P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Cao Duy P đồng ý nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 22-6-2017 chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Cao Duy P tìm hiểu nhau rồi đi đến sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 08-12-2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh P và chị T không có con từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc chữa trị để có con. Anh P chán nản, không chung thủy và không quan tâm, lo lắng đến chị T nên chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Nay chị T cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài nhưng do chị T theo đạo nên chị T không thể đồng ý ly hôn với anh P được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là anh Cao Duy P chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng chị T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Cao Duy P; Về con chung: Anh P và chị T không

có con chung; về tài sản chung và nợ chung anh P và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T đăng ký kết hôn vào 08-12-2004, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay anh P yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Ngọc T là xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ngày 26-10-2017, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng chị Tvắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 15-11-2017 nhưng tại phiên tòa chị Tvắng mặt lần thứ hai không có lý do còn anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 08-12-2004, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình sống chung đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do anh P không thể có con từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc có con. Anh P đề nghị chị T chọn phương thức thụ tinh bằng nhân tạo hoặc xin con nuôi nhưng chị T không đồng ý nên anh P chán nản dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, không còn lo lắng, quan tâm đến nhau nên anh P và chị T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Trong quá trình ly thân thì chị T và anh P cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, anh P xác định không còn tình cảm và không thể sống chung với chị T còn chị T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài nhưng do chị T theo đạo nên chị T không thể đồng ý ly hôn với anh P được.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của anh P, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để anh P và chị T hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng chị T chỉ tham gia một lần còn các lần hòa giải khác chị T đều vắng mặt điều đó chứng tỏ chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm gia đình. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 22-6-2017 thì chị T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài nhưng do chị T theo đạo nên chị T không thể đồng ý ly hôn với anh P được.

[5] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Cao Duy P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

[6] *Về quan hệ con chung:* Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về án phí*: Anh Cao Duy P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Cao Duy P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Cao Duy P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005203 ngày 23-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Anh Cao Duy P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết, anh Cao Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND.tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Túy